

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả rà soát các kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-BCĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Ban chỉ đạo Dự án CSSP tỉnh Cao Bằng về việc phân công nhiệm vụ cho các cơ quan thực thi hoạt động Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2022 của Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CSSP ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Ban điều phối Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kết quả chỉ định đơn vị thực hiện hoạt động thuộc Tiêu hợp phần 1.1: Kế hoạch đầu tư chiến lược và một số hoạt động thuộc Tiêu hợp phần 1.2: Lập kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu (CCA) của Dự án Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) phát triển chuỗi giá trị lợn đen Cao Bằng, giai đoạn 2020-2025.

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) phát triển chuỗi giá trị bò Mông Cao Bằng, giai đoạn 2020-2025.

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 8/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) phát triển chuỗi giá trị dong riềng, giai đoạn 2020-2025.

Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) Gừng hàng hóa, gắn với Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) Lúa gạo chất lượng cao, gắn với Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Hợp đồng số 20/HĐ-CSSP, ngày 31 tháng 3 năm 2022 về Hợp đồng hợp tác năm 2022 giữa Ban điều phối Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ và Sở Nông nghiệp và PTNT.

Nhằm tiếp tục triển khai hiệu quả các Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) chuỗi giá trị trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành rà soát các SIP trên địa bàn 3 huyện Dự án gồm Hà Quảng, Nguyên Bình và Thạch An, đồng thời ban hành Công văn số 1631/SNN-BTTDA, ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các nội dung SIP, VCAP có thích ứng với BĐKH và xây dựng báo cáo tham luận tại Hội thảo lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án thực hiện các SIP, VCAP giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Cao Bằng. Sau khi rà soát, tổng hợp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

## **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC CÁC SIP**

### **1. SIP Lợn đen**

#### **1.1. Kế hoạch SIP lợn đen**

Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) phát triển chuỗi giá trị lợn đen Cao Bằng, giai đoạn 2020-2025, được UBND ban hành tại Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 với những nội dung sau:

- Mục tiêu chung:

Tăng trưởng bền vững chuỗi giá trị lợn đen trên cơ sở gia tăng sức cạnh tranh sản phẩm và lợi ích kinh tế của chuỗi gắn với mở rộng thị trường, gia tăng cơ hội và thu nhập cho người sản xuất cùng các tác nhân tham gia chuỗi, trong đó có các đối tượng yếu thế là các hộ chăn nuôi người dân tộc thiểu số hộ nghèo, hộ do phụ nữ làm chủ... tại các xóm, xã vùng khó khăn; góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên môi trường, gìn giữ bản sắc văn hóa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Các mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng vùng chăn nuôi lợn đen tại 7 huyện: Thạch An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hòa An, Hạ Lang. Trong đó, đàn giống gốc (*đàn hạt nhân*) với 50 nái sinh sản, 5 đực giống cho mỗi giống lợn gồm: Đông Khê, Hạ Lang, Táp Ná, Đen Bảo Lạc, Lợn Hương;

+ Phát triển thêm mỗi huyện 30 nhóm đồng sở thích (CIG) nuôi lợn đen, với từ 450 đến 600 hộ tham gia mới, tiến tới hình thành Hội hoặc Hiệp hội sản xuất kinh doanh lợn đen tỉnh Cao Bằng;

+ Mỗi huyện xây dựng 1-2 mô hình trình diễn; tổ chức tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho 1000 lượt người trên toàn tỉnh về chăn nuôi lợn sinh sản, lợn thịt giống bản địa theo quy trình kỹ thuật mới;

+ Mỗi huyện có từ 2 - 5 cơ sở giết mổ có hợp đồng tiêu thụ lợn đen (tổ hợp tác) với các nhóm CIG, được nâng cấp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh thú y vệ sinh an toàn thực phẩm;

+ Tất cả các huyện, xã trong vùng nuôi lợn đen xây dựng Kế hoạch đầu tư phát triển chuỗi giá trị lợn đen. Trong đó, có các chủ thể tham gia chương trình OCOP; mỗi huyện có 1 - 2 sản phẩm đạt tiêu chí OCOP cấp tỉnh;

+ Khoảng 500 km đường giao thông nông thôn liên thôn, nội thôn trong vùng nuôi lợn đen được mở mới, bê tông hóa.

- Thời gian và địa điểm thực hiện:

+ Thời gian thực hiện: từ tháng 7 năm 2020 đến hết tháng 12 năm 2025;

+ Địa điểm: Thực hiện tại 07 huyện: Thạch An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hòa An, Hạ Lang.

- Kinh phí thực hiện:

**Tổng số: 199.420.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng).**

*Trong đó:*

+ Dự án CSSP: 151.550.000.000 đồng

+ Các chương trình, dự án khác: 4.205.000.000 đồng

+ Đối ứng của người hưởng lợi: 43.665.000.000 đồng

## **1.2. Kết quả thực hiện**

Tổng đàn lợn: cho đến hết năm 2021, tổng đàn lợn trong toàn tỉnh đạt 302.285 con; Số lợn thịt xuất chuồng trong năm đạt 337.053 con; Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 25.353,18 tấn.

+ Xây dựng vùng chăn nuôi lợn đen tại 7 huyện: Thạch An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hòa An, Hạ Lang. Trong đó, đàn giống gốc (*đàn hạt nhân*) cho mỗi giống lợn, kết quả như sau:

\* Lợn Đông Khê: 100 nái sinh sản

\* Lợn Đen Bảo Lạc: 50 nái sinh sản

\* Lợn Táp Ná: 100 nái sinh sản

+ Phát triển nhóm đồng sở thích (CIG) nuôi lợn đen 224 nhóm với 3096 hộ tham gia.

+ Xây dựng đường giao thông nông thôn liên thôn, nội thôn trong vùng nuôi lợn đen được mở mới, bê tông hóa. Kết quả: Xây dựng được 2km.

+ Xuất bản cuốn sổ tay “Hướng dẫn Chăn nuôi lợn an toàn sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu”.

+ Xây dựng Kế hoạch hành động chuỗi giá trị (VCAP) lợn đen cấp huyện: 3 VCAP lợn đen tại 3 huyện vùng dự án (Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình).

+ Thăm định được 27 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi lợn.

- Kinh phí thực hiện:

**Tổng số: 3.961.800.000 đồng**

*Trong đó:*

- + Dự án CSSP: 3.099.804.000 đồng
  - + Các chương trình, dự án khác: 861.996.000 đồng
- (có biểu rà soát SIP lộn đen chi tiết đính kèm)

## **2. SIP bò Mông**

### **2.1. Kế hoạch SIP bò Mông**

Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) phát triển chuỗi giá trị bò Mông Cao Bằng, giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 22/7/2020, với những nội dung chính sau:

#### **- Mục tiêu chung:**

Nâng cấp, phát triển chuỗi giá trị bò Mông Cao Bằng, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường sự gắn kết trong chuỗi; khai thác tốt tiềm năng, nâng cao giá trị gia tăng của toàn chuỗi và thu nhập của các tác nhân tham gia chuỗi. Trong đó có các hộ nghèo, hộ do phụ nữ làm chủ, góp phần thúc đẩy sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

#### **- Mục tiêu cụ thể:**

+ Xây dựng, ban hành quy định tạm thời về cơ chế hỗ trợ vùng giống gốc vật nuôi trên địa bàn Cao Bằng. Xong trước 30/9/2020.

+ Xây dựng, quản lý vận hành 03 vùng giống với đàn giống gốc được chọn lọc thường xuyên. Đến năm 2025 đạt công suất 600 bê đực, cái hậu bị thay thế đàn nhân giống và bổ sung đàn giống gốc.

+ Hình thành 6 điểm dịch vụ kỹ thuật trước 30/6/2022.

+ Củng cố, phát triển 30 nhóm đồng sở thích (CIGs) với 450 hộ tham gia, 02 tổ hợp tác, 01 Hợp tác xã gắn kết 20 hộ; hoàn thành trước 30/6/2022.

+ Đến năm 2025 hoàn thành nâng cấp 4 lò mổ cỡ nhỏ tại Bảo Lâm, Bảo Lạc, Thông Nông (cũ), Hà Quảng. Trong đó có cơ sở cấp đông, chế biến thịt mát.

+ Khôi phục, tổ chức lại Hội sản xuất tiêu thụ thịt bò Mông tỉnh Cao Bằng, với khoảng 500 hội viên.

+ Củng cố thương hiệu thịt bò Mông Cao Bằng, gắn với công bố, giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm tham gia thị trường.

+ Nâng cao năng lực cho bộ máy quản lý địa phương.

+ Bê tông hóa đường GTNT các xóm bản vùng chăn nuôi nhiều bò.

#### **- Thời gian và địa điểm thực hiện:**

+ Thời gian thực hiện: Tháng 7 năm 2020 đến hết tháng 12 năm 2025.

+ Địa điểm: Thực hiện tại 05 huyện, Thành phố gồm: Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm và Thành phố Cao Bằng.

#### **- Kinh phí thực hiện:**

Tổng số: **31.822.667.000** đồng (*Bằng chữ: Ba mươi một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

*Trong đó:*

- + Dự án CSSP: 11.019.500.000, đồng.
- + Các chương trình, dự án khác: 17.803.167.000, đồng.
- + Đối ứng của người hưởng lợi: 6.050.000.000, đồng.

## **2.2. Kết quả thực hiện SIP bò Mông**

Tổng đàn bò: cho đến hết năm 2021, tổng đàn bò trong toàn tỉnh đạt 107.405 con. Số con xuất chuồng là 10.728 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 2.259,32 tấn.

+ Hình thành 6 điểm dịch vụ kỹ thuật trước 30/6/2022: đang triển khai (đang trong giai đoạn chọn địa điểm tại các huyện dự án).

+ Củng cố, phát triển được 58 nhóm đồng sở thích (CIGs) với 793 hộ tham gia.

+Thẩm định 16 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trâu, bò.

+ Xuất bản cuốn “sổ tay hướng dẫn kỹ thuật phòng chống đói rét cho trâu bò thích ứng với biến đổi khí hậu trong vụ đông xuân ở tỉnh Cao Bằng”

+ Xây dựng Kế hoạch hành động chuỗi giá trị (VCAP) bò Mông cấp huyện: 01 VCAP bò Mông huyện Hà Quảng.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng số: **180.000.000** đồng

*Trong đó:*

- + Dự án CSSP: 0 đồng.
- + Các chương trình, dự án khác: 180.000.000 đồng.

*(có biểu rà soát SIP bò Mông chi tiết đính kèm)*

## **3. SIP Dong riêng**

### **3.1. Kế hoạch SIP dong riêng**

Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) phát triển chuỗi giá trị dong riêng, giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 1252/QĐ-UBND, ngày 8/9/2020, với những nội dung chính sau:

- Mục tiêu chung:

Hỗ trợ kết nối và phát triển chuỗi giá trị Dong riêng Cao Bằng từ khâu sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ đến tiêu dùng; đặc biệt là liên kết giữa các doanh nghiệp/Hợp tác xã sản xuất miền, đầu mối thu gom phân phối với các hộ, nhóm sản xuất dong riêng, đảm bảo đầu ra ổn định và nguồn nguyên liệu đầu

vào đạt chất lượng cao, tạo việc làm ổn định, cải thiện thu nhập cho người nghèo, cận nghèo và nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chế biến từ Dong riềng.

- Các mục tiêu cụ thể:

+ Hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm dong riềng của tỉnh đạt hiệu quả, bền vững nhằm phát triển vùng nguyên liệu ổn định với 500 ha, trên địa bàn các huyện Nguyên Bình, Hòa An và Quảng Hòa.

+ Thay đổi tập quán canh tác, thói quen trong sản xuất của người dân trên cơ sở thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững; nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm; mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa và tiến tới xuất khẩu; gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và bảo vệ môi trường.

+ Bảo vệ, duy trì và nâng cao giá trị thương hiệu, sản phẩm OCOP từ cây dong riềng đã có, đồng thời truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm miền dong của tỉnh và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu thị trường; phát triển các vùng nguyên liệu ứng dụng công nghệ cao (VietGAP); tạo sự liên kết chặt chẽ trong từng khâu sản xuất, kiểm soát được chất lượng sản phẩm.

+ Nâng cấp năng lực chế biến của các cơ sở chế biến tinh bột dong riềng, sản phẩm miền dong trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiêu thụ ít nhất 70% sản lượng củ dong riềng của địa phương và giảm giá thành sản phẩm tối thiểu 15% so với giá hiện hành.

+ Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tổ chức hội nghị kết nối cung — cầu, thị trường tiêu thụ và điểm giới thiệu sản phẩm trong và ngoài tỉnh .. chú trọng đến tiêu chuẩn, chất lượng nhằm đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu.

- Thời gian và địa điểm thực hiện:

+ Thời gian: Năm 2020 - 2025

+ Địa điểm: Tại các huyện Nguyên Bình, Hòa An, Quảng Hòa.

- Kinh phí thực hiện:

**Tổng số: 40.100.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ một trăm triệu đồng).

Trong đó:

+ Dự án CSSP: 17.000.000.000 đồng.

+ Các chương trình, dự án khác: 13.400.000.000 đồng.

+ Đối ứng của người hưởng lợi: 9.700.000.000 đồng.

### 3.2. Kết quả thực hiện

Tổng diện tích cây Dong riềng đến hết năm 2021 đạt 350,3 ha; năng suất 547,5 tạ/ha; sản lượng 19,17 nghìn tấn.

- Cơ sở thu mua chế biến dong riêng: có các cơ sở thu mua chế tại huyện Quảng Hòa, Hòa An và Nguyên Bình.

- Xây dựng được nhãn hiệu tập thể Miến dong Nguyên Bình

- Giới thiệu sản phẩm trên sàn giao dịch điện tử Postmart theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo mã QR CODE: Hiện đã thực hiện được 01 cuộc hội nghị tại xã Thành Công về sàn giao dịch Postmart và 01 lớp tập huấn về truy xuất nguồn gốc tại UBND huyện Nguyên Bình.

- Xây dựng sản phẩm đạt tiêu chí OCOP cấp tỉnh: 2 sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh.

- Nhóm đồng sở thích: 6 nhóm với 81 hộ tham gia

- Xuất bản cuốn “sổ tay các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong chuỗi Dong riêng”.

- Xây dựng Kế hoạch hành động chuỗi giá trị (VCAP) dong riêng cấp huyện: 01 VCAP dong riêng tại huyện Nguyên Bình.

- Kinh phí thực hiện:

**Tổng số: 1.945.000.000 đồng.**

Trong đó:

+ Dự án CSSP: 1.205.000.000 đồng.

+ Các chương trình, dự án khác: 0 đồng.

+ Đối ứng của người hưởng lợi: 40.000.000 đồng.

*(có biểu rà soát SIP dong riêng chi tiết đính kèm)*

#### **4. SIP gừng hàng hóa**

##### **4.1. Kế hoạch SIP gừng hàng hóa**

Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) gừng hàng hóa, gắn với chương trình OCOP, giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 2526/QĐ-UBND, ngày 14/12/2020 với những nội dung sau:

- Mục tiêu chung:

Kế hoạch đầu tư chiến lược phát triển chuỗi giá trị (SIP) gừng hàng hóa, gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm phát triển sản phẩm lợi thế ở các địa phương, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu, tổ chức lại sản xuất, gia tăng giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần tạo việc làm, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP của tỉnh Cao Bằng.

- Các mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2025, Quy mô cần đạt hơn 800 ha, năng suất cần đạt 20 - 25 tấn/ ha; sản lượng gừng cần đạt 16.000-20.000 tấn; số hộ dân tham gia khoảng 4.500 - 5.000 hộ.

+ Phát triển sản phẩm:

- Lựa chọn 03 sản phẩm gừng hàng hóa (gừng tươi, gừng sấy khô, bột gừng), gắn với sản phẩm OCOP.
- Công nhận/chứng nhận sản phẩm OCOP: Chứng nhận ít nhất 03 sản phẩm gừng tươi và gừng sấy khô, đạt 3 - 4 sao cấp tỉnh.

+ Phát triển tổ chức kinh tế: Lựa chọn, củng cố và kiện toàn tối thiểu 04 tổ chức kinh tế sản xuất, kinh doanh tham gia Chuỗi giá trị gừng hàng hóa.

+ Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh gừng hàng hóa cho khoảng 100 cán bộ quản lý nhà nước (cấp tỉnh, huyện, xã) thực hiện chuỗi giá trị gừng gắn với sản phẩm OCOP và 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã và chủ hộ sản xuất tham gia.

+ Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm gừng Cao Bằng tại các hội chợ trong và ngoài tỉnh.

- Thời gian và địa điểm thực hiện:

+ Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 12 năm 2025.

+ Địa điểm: Thực hiện tại 06 huyện (Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng, Quảng Hòa).

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 86.869.851.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 55.690.000.000 đồng.

+ Vốn từ dự án CSSP: 9.434.851.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của dân: 15.360.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng các chủ thể (DN, HTX...): 7.385.000.000 đồng.

#### **4.2. Kết quả thực hiện**

- Tổng diện tích gừng trâu đến hết năm 2022 đạt 223,9ha; năng suất khoảng 180 tạ/ha tập trung tại huyện Hà Quảng với quy mô 147,9 ha và được Công ty TNHH phát triển nông nghiệp và tư vấn môi trường (DACE) ký kết bao tiêu sản phẩm cho các hộ dân tham gia trồng gừng tại huyện Hà Quảng;



- Đến năm 2022 đã mở rộng vùng nguyên liệu trồng gừng tại huyện Hạ Lang với quy mô 39 ha, huyện Bảo Lâm 37 ha.

- Các huyện chưa triển khai thực hiện Chiến lược phát triển chuỗi giá trị (SIP) gừng hàng hóa theo kế hoạch gồm: Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hòa an, Quảng Hòa.

+ Số nhóm đồng sở thích là 5 nhóm với 98 hộ dân tham gia

+ Xuất bản cuốn “sổ tay hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật phòng, trừ bệnh thối củ trên cây gừng thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Cao Bằng”.

+ Xây dựng Kế hoạch hành động chuỗi giá trị (VCAP) gừng cấp huyện: 01 VCAP dong riêng tại huyện Hà Quảng.

+ Xây dựng 02 nhà sơ chế và 01 nhà kho bảo quản lạnh: Đang trong quá trình triển khai.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 1.773.765.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn Chương trình, Dự án khác: 1.773.765.000 đồng.

*(có biểu rà soát SIP gừng hàng hóa chi tiết đính kèm)*

## **5. SIP lúa gạo chất lượng cao**

### **5.1. Kế hoạch SIP lúa gạo chất lượng cao**

Kế hoạch đầu tư chiến lược (SIP) lúa gạo chất lượng cao, gắn với chương trình OCOP, giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 2527/QĐ-UBND, ngày 14/12/2020 với những nội dung sau:

- Mục tiêu chung:

Kế hoạch đầu tư chiến lược phát triển chuỗi giá trị (SIP) Lúa gạo chất lượng cao, gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm phát triển các giống lúa đặc sản bản địa chất lượng cao và giống lúa thuần, lúa lai, các giống lúa nhập nội Japonica được thị trường ưa chuộng, tổ chức lại sản xuất, gia tăng giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần tạo việc làm, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP của tỉnh Cao Bằng.

- Các mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2025, quy mô cần đạt 5.000ha, năng suất cần đạt 5,5 - 6,0 tấn/ha; sản lượng cần đạt 28.000 - 30.000 tấn; số hộ dân tham gia khoảng 25.000 - 30.000 hộ.

+ Phát triển sản phẩm:

- Lựa chọn ít nhất 10 sản phẩm lúa gạo chất lượng cao, gắn với Chương trình OCOP.
- Công nhận/chứng nhận sản phẩm OCOP: Chứng nhận ít nhất 10 sản phẩm gạo chất lượng cao và các sản phẩm chế biến từ gạo đạt 3-4 sao cấp tỉnh.

+ Phát triển tổ chức kinh tế: Lựa chọn, củng cố và kiện toàn tối thiểu 06 tổ chức kinh tế sản xuất, kinh doanh tham gia Chuỗi giá trị lúa gạo chất lượng cao gắn với sản phẩm OCOP.

+ Phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh lúa gạo chất lượng cao cho khoảng 250 cán bộ quản lý (cấp tỉnh, huyện, xã) thực hiện chuỗi giá trị lúa gạo chất lượng cao gắn với sản phẩm OCOP và 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất tham gia.

+ Xây dựng ít nhất 10 nhãn hiệu hàng hóa gạo chất lượng cao, truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm gạo Cao Bằng tại các hội chợ trong và ngoài tỉnh.

- Thời gian và địa điểm thực hiện:

+ Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 12 năm 2025;

+ Địa điểm: Thực hiện tại 09 huyện và thành phố Cao Bằng.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 129.514.851.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 54.350.000.000 đồng.

+ Vốn Dự án CSSP: 19.614.851.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của dân: 40.000.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng các chủ thể (DN, HTX...): 15.550.000.000 đồng.

## **5.2. Kết quả thực hiện**

- Diện tích trồng lúa đến hết năm 2021 đạt 29.002,9 ha; Năng suất 45,5 tạ; Sản lượng 131,96 nghìn tấn.

- Thực hiện lồng ghép từ các nguồn vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đến năm 2022 đã tập trung mở rộng phát triển được 04 chuỗi giá trị và vùng sản xuất gạo chất lượng cao bao gồm:

+ Chuỗi giá trị gạo nếp hương Bảo Lạc với quy mô 165ha, năng suất bình quân đạt từ 40- 42 tạ/ha.

+ Vùng sản xuất gạo nhật (Japonica) với quy mô 164 ha, năng suất bình quân đạt từ 58 – 60 tạ/ha. Được tập trung trồng tại huyện Hòa An.

+ Vùng sản xuất gạo nếp ong với quy mô 300 ha, năng suất bình quân đạt 45 tạ/ha. Được tập trung trồng tại huyện Trùng Khánh.

+ Vùng sản xuất gạo nếp pì pát với quy mô 100ha, sản lượng đạt 38 – 40 tạ/ha. Được tập trung trồng tại thành phố Cao Bằng, huyện Hòa An, Hà Quảng.

+ Ngoài ra một số loại gạo khác như gạo bao thai, gạo nếp cẩm, gạo tẻ thơm, gạo đoàn kết, gạo nếp cốm... đang được trồng trên địa bàn các huyện, thành phố tuy nhiên chưa hình thành được các vùng sản xuất tập trung, phát triển sản xuất theo các chuỗi giá trị.

- Tổ chức sản xuất liên kết: duy trì 04/04 tổ chức kinh tế liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị: Công ty TNHH MTV Hòa An hỗ trợ kỹ thuật cho người dân và ký kết đảm bảo bao tiêu sản phẩm lúa Japonica trồng tại Hòa An; Doanh nghiệp tư nhân 668 Bảo Lâm ký kết bao tiêu sản phẩm Gạo nếp nương Bảo Lạc; Công ty cổ phần xây dựng Cao Bằng ký kết bao tiêu sản phẩm Gạo nếp ong Trùng Khánh; HTX 3 sạch Hưng Đạo ký kết bao tiêu sản phẩm gạo nếp Pì Pát tại thành phố Cao Bằng, huyện Hòa An.

- Phát triển chuỗi giá trị gắn với sản phẩm OCOP: Hiện nay 04 chuỗi giá trị đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh gồm:

+ Sản phẩm gạo nếp hương Bảo Lạc của Doanh nghiệp tư nhân 668 Bảo Lâm.

+ Sản phẩm Gạo nếp ong của Công ty Cổ phần xây dựng Cao Bằng.

+ Sản phẩm gạo Nhật Cao Bằng–Công ty TNHH một thành viên Hòa An.

+ Sản phẩm Gạo nếp Pì pát Cao Bằng – HTX nông nghiệp 3 sạch Hưng Đạo.

- Xúc tiến thương mại: Trong năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ban điều phối Dự án CSSP đưa các sản phẩm gạo chất lượng cao tham gia quảng bá sản phẩm tại hội chợ OCOP Quảng Ninh hè 2022; Phối hợp với cơ sở Xuân Hoà Sơn đưa các sản phẩm OCOP (trong đó có 3 sản phẩm gạo nếp, 1 sản phẩm gạo Nhật) trưng bày, giới thiệu tại khu du lịch sinh thái Xuân Hoà Sơn. Ngoài ra cung cấp thông tin cho các chủ thể chủ động tham gia các sự kiện hội trợ OCOP của các tỉnh tổ chức (Hà Nội, Thái Nguyên, Sơn La...).

- Phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh lúa gạo chất lượng cao: 22 lớp

- Tổ chức 2 cuộc hội nghị tuyên truyền sản phẩm có tiềm năng tham gia OCOP

- Xuất bản cuốn “sổ tay một số giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong giai đoạn mạ vụ xuân và thu hoạch lúa vụ mùa”.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 1.990.257.000 đồng.

Trong đó:

+ Vốn Chương trình, Dự án khác: 1.890.257.000 đồng.

+ Vốn Dự án CSSP: 100.000.000 đồng.

*(có biểu rà soát SIP lúa gạo chất lượng cao chi tiết đính kèm)*

## **II. Hoạt động lồng ghép vào chương trình dự án CSSP**

Triển khai thực hiện 05 SIP trên địa bàn tỉnh được lồng ghép từ nguồn lực hỗ trợ của Dự án CSSP và các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và những cơ chế chính sách của tỉnh hỗ trợ cho doanh nghiệp và người chăn nuôi phát triển sản xuất như:

- Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Nghị quyết 48/2020/NQ- HĐND, ngày 16/1/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND, ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quyết định số 225/QĐ-UBND, ngày 28/02/2012 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án phát triển đàn bò tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011-2015).

### **\*Kết quả thực hiện như sau:**

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND, ngày 05/8/2016 về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (nay là Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND, ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng).

- Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định được 35 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi. Trong đó: Dự án đầu tư nuôi lợn: 18 dự án; Dự án đầu tư nuôi trâu bò: 7 dự án; Dự án chăn nuôi tổng hợp (lợn, gà, bò, dê, thủy sản): 9 dự án; Dự án đầu tư vào chế biến sản phẩm: 1 dự án.

- Có 19/35 dự án được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư. Trong đó có Dự án chăn nuôi bò sữa tại huyện Quảng Hoà là dự án mang tính đột phá, trọng tâm, trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2025 với quy mô 10.000 con, mở ra hướng tiếp cận, hướng đi mới trong việc thay đổi cơ cấu trong sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Có 08/19 dự án đã được Hội đồng thẩm định đánh giá báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Kinh phí thực hiện: Tổng mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 58/2016/NQ – HĐND có 04/19 dự án đã được thẩm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư số tiền là: 4.290.443.272 đồng.

b) Kết quả thực hiện Nghị quyết 48/2020/NQ- HĐND, ngày 16/1/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Đến thời điểm hiện nay các huyện đang rà soát, lập kế hoạch thẩm định hộ, trang trại chăn nuôi dự kiến hỗ trợ như: hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại, hỗ trợ mua con giống, giống thủy sản, trồng cỏ chăn nuôi gia súc.

- Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết 48/2020/NQ-HĐND dự kiến các huyện đề xuất tổng số tiền là 4.012.000.000 đồng. Trong đó huyện Hòa An đã thực hiện hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại với số tiền hỗ trợ là 42.000.000 đồng cho 3 hộ chăn nuôi tại xã Ngũ Lão, Quang Trung.

c) Kết quả thực hiện Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án phát triển đàn bò tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011-2015.

- Công tác giống bò đã được tổ chức tại tất cả các huyện, thành phố, thông qua chọn lọc đực giống tốt, triển khai TTNT. Mua bò đực giống (giống Lai sind, Brahmand) 200 con về lai với bò cái nền; thực hiện thiến bò đực có được 2.900 con.

- Ứng dụng công tác TTNT nâng cao tầm vóc đàn bò. Giai đoạn 2011 - 2015, đã tạo ra được 12.600 con bê từ đực giống được chọn lọc; có 1260 bò cái nền được TTNT (bình quân 252 con bò cái được TTNT/năm). Tinh giống bò được sử dụng gồm các giống Brahmand, F2 3/4 Zebu).

### **III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC SIP**

#### **1. Kết quả đạt được**

Tình hình triển khai các SIP trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh, các Sở ban ngành và các địa phương. Nhận được sự đồng thuận

câu người dân. Cho đến nay, nhìn chung triển khai các SIP, VCAP đã bước đầu thu được một số kết quả đáng khích lệ:

- Số nhóm sở thích được thành lập: 608 nhóm, trong đó: Hà Quảng: 298 nhóm, Nguyên Bình: 161 nhóm, Thạch An: 149 nhóm
- + Số thành viên là nữ: 5157 người
- + số người hưởng lợi: 8134 người
- + Số thành viên thuộc hộ nghèo/cận nghèo: 5173 người
- Xây dựng 27 đề án với tổng kinh phí 27 tỷ
- Tổ chức 179 lượt tham gia hội chợ với kinh phí 1 tỷ đồng

## **2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế**

Công tác triển khai thực hiện các SIP, VCAP trên địa bàn tỉnh vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn, tồn tại, hạn chế sau đây:

- Công tác triển khai các SIP trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do thời tiết gây ra, giá cả vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng cao làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp chưa thực sự bền vững, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, chủ yếu là sản xuất nhỏ, phân tán; sản xuất cơ bản chưa gắn kết được các khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các sản phẩm sản xuất chủ yếu bán thô, chưa qua chế biến nên giá trị thấp và thường bị ép giá khi được mùa.

- Sản phẩm hàng hóa tạo ra chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường, phần lớn sản xuất chưa gắn với chế biến, tiêu thụ, việc thu hút doanh nghiệp trong bao tiêu sản phẩm cũng gặp nhiều khó khăn;

- Diện tích đất canh tác nhỏ lẻ, manh mún gây trở ngại rất lớn trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất;

- Chưa huy động được nhiều nguồn lực để thực hiện các SIP và chưa có hướng dẫn cụ thể về cơ chế lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để thực hiện các SIP.

- Sự phối kết hợp của một số sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện các SIP chưa thật sự chặt chẽ. Công tác theo dõi và báo cáo còn chậm, chưa thường xuyên.

- Nhận thức của người dân với vai trò là chủ thể của các hoạt động SIP còn mờ nhạt. Một bộ phận người dân còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ từ bên ngoài.

- Công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức cho nông dân về nội dung các SIP tại một số địa phương còn nhiều hạn chế.

- Thị trường đầu ra cho các sản phẩm thuộc các SIP, VCAP còn thiếu và chưa ổn định.

- Công tác lồng ghép các SIP, VCAP vào chương trình, kế hoạch PTKTXH hàng năm, giai đoạn của các sở, ban, ngành và địa phương còn nhiều lúng túng và chưa được quan tâm đúng mức.

- Chưa có cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, phân bổ nguồn lực thực hiện các VCAP và SIP trên địa bàn tỉnh.

- Thiếu kinh phí để triển khai thực hiện các SIP, VCAP, do các CTMTQG giai 2026-2020 đã kết thúc và giai đoạn mới đến tháng 8/2022 mới có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của các bộ, ban, ngành.

- Số lượng các Doanh nghiệp/HTX tham gia phát triển các SIP, VCAP trên địa bàn tỉnh còn hạn chế.

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

- Tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo, phối hợp của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung và triển khai các SIP nói riêng.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các SIP bám sát vào các chỉ tiêu theo các Quyết định của UBND tỉnh.

- Củng cố tổ chức và tăng cường năng lực cho các đơn vị dịch vụ phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Tập trung phát triển trung tâm dịch vụ nông nghiệp để làm cơ sở triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hỗ trợ cung ứng vật tư đầu vào, tổ chức hỗ trợ liên kết sản xuất...

- Đẩy mạnh công tác phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, các hình thức sản xuất theo mô hình nhóm, tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình trang trại nông nghiệp, mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản xuất.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, HTX đầu tư dự án, thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi sản phẩm.

- Phối hợp với các cấp, các ngành, các doanh nghiệp tăng cường xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản; tư vấn, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp của người dân, doanh nghiệp, HTX; đưa sản phẩm nông sản của tỉnh Cao Bằng tham gia các hội chợ trong nước nhằm quảng bá, giới thiệu nông sản địa phương tới tay người tiêu dùng trong nước.

- Tăng cường công tác báo cáo, đánh giá, giám sát theo dõi kịp thời, thường xuyên.

- Rà soát, chỉnh sửa lại Kế hoạch các SIP, VCAP phù hợp với nguồn lực thực tế của địa phương.

- Lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi; các chính sách

của tỉnh để đảm bảo nguồn vốn triển khai các nội dung SIP, VCAP trên địa bàn tỉnh.

## **V. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

- UBND huyện Hòa An đề nghị không thực hiện 02 sản phẩm sau:
  - + Nếp Pì Pát, do bà con nông dân chủ yếu trồng nhỏ lẻ, chủ yếu phục vụ gia đình, bán chợ phiên hoặc dùng để chế biến một số loại bánh ngày lễ tết, chưa có Tổ hợp tác hay Hợp tác xã liên kết sản xuất lúa gạo nếp Pì Pát.
  - + Gừng hàng hóa, do hiện nay trên địa bàn huyện không còn diện tích gừng sản xuất theo chuỗi liên kết giá trị, bà con nông dân chủ yếu trồng nhỏ lẻ, bán chợ phiên, chưa có Tổ hợp tác hay Hợp tác xã liên kết sản xuất gừng thương phẩm.
- UBND huyện Thạch An đề nghị không thực hiện SIP lúa gạo chất lượng cao.

## **VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị các Sở, ban, ngành và địa phương bám sát vào các nội dung của từng SIP đã được UBND tỉnh phê duyệt để triển khai hiệu quả. Đồng thời xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực để đảm bảo các SIP triển khai hiệu quả trong thời gian tới.
- Đề nghị Dự án CSSP bố trí nguồn vốn theo 05 SIP: Lợn đen, Bò Mông, Dong riêng, gừng hàng hóa, lúa gạo chất lượng cao đã được UBND phê duyệt để các sở, ban, ngành và địa phương lồng ghép triển khai các SIP, VCAP.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện các SIP trên địa bàn tỉnh của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng./.

### ***Nơi nhận:***

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Ban điều phối CSSP tỉnh;
- UBND huyện, TP;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Truân**